

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày 25 – 12 - 2020

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Ba

Bà Nguyễn Thị Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2016; về “Tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/QĐST-DS, ngày 20 tháng 9 năm 2018; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 05/2019/TB-TA, ngày 30/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2019/QĐST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2019; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 04/2020/TB-TA, ngày 26/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1947; nơi cư trú: Tổ 4, thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 4, thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Hiện nay tạm trú tại: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1974; bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1981; cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1979; bà Huỳnh Thị Minh Ch, sinh năm 1983; bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1986; cùng nơi cư trú: Tổ 4, thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà 531, đường ĐT 766, khu phố 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Phan Chánh Th, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 56, đường ĐT 720, tổ 1, khu phố 3, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Phan Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 7, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Hồ Văn Ch, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị H; cùng nơi cư trú: Tổ 4, thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 40, đường số 67, tổ 6 thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người có đơn xin xét xử vắng mặt gồm có bà Phan Thị H, ông Huỳnh Ngọc V, Phan Chánh Th, Trần Văn Ch, Hồ Văn Ch.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh trình bày:*

Ông Huỳnh Văn Nh, bà Trần Thị T, sinh năm 1953 chung sống với nhau vào năm 1975. Ông Nh, bà T có 07 người con chung gồm: Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1974; Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1976; Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1979; Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1981; Huỳnh Thị Minh Ch, sinh năm 1983; Huỳnh Thị L, sinh năm 1986; Huỳnh Thanh L, sinh năm 1988. Trong quá trình chung sống ông Nh, bà T có tạo lập được một số tài sản chung là nhà, đất một phần do nhận sang nhượng, một phần do khai hoang bao gồm:

1. Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa 289, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 3.253,9m<sup>2</sup>).

2. Thửa đất số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 1.422,7m<sup>2</sup>).

3. Thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>).

4. Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup>).

5. Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.015m<sup>2</sup> giấy chứng nhận QSDĐ số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996.

6. Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.050m<sup>2</sup> giấy chứng nhận QSDĐ số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996.

7. Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.760m<sup>2</sup> giấy chứng nhận QSDĐ số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996.

Cha mẹ bà Trần Thị T là ông Phan Chánh Ngh chết năm 1978 và bà Trần Thị T1, chết năm 2002. Bà T có hai người em cùng mẹ là ông Phan Chánh Th, bà Phan Thị H.

Bà Trần Thị T chết ngày 10/3/1995, không để lại di chúc, nên ông Nh yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà T để lại cho ông Nh, các con và người thừa kế của bà Trần Thị T1 đối với các thửa đất thứ tự số 1, 2, 3, 4. Còn thửa đất thứ tự số 5 đã được phân chia; thửa đất thứ tự số 6, 7 không yêu cầu Tòa án giải quyết, bởi theo ông Nh trình bày về hai thửa đất số 6 và 7 thì ông Nh đã chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền bồi thường theo các bản án hình sự do con ông gây ra.

Đối với các di sản phân chia thì ông Nh có nguyện vọng được nhận phần tài sản của ông và di sản của bà T mà ông được hưởng gồm:

- Diện tích đất thổ cư 1.722,1m<sup>2</sup>, ký hiệu thửa số 378 được thể hiện qua các mốc giới M2, A, M13, M14, M1 theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 09/8/2018 hệ tọa độ VN-2000, thôn 3, tờ số 22 (242 392-9) (Nguyên thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996).

- Diện tích 1.422,7m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 thuộc thửa số 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 09/8/2018 (Nguyên thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996).

- Diện tích đất 2.739,3m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M1, M2, M7, M8 thuộc thửa số 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 11/10/2017 (Nguyên thuộc thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996).

Đề nghị Tòa án chia cho ông Huỳnh Văn Ph là người thừa kế của bà Trần Thị T di sản là: Thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>). Do thửa đất này ông Ph đã tự ý chuyển nhượng cho người khác.

Đối với các di sản còn lại ông Nh có yêu cầu chia cho các thừa kế gồm ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L.

Hiện nay các di sản do ông Nh quản lý, nhưng ông không có yêu cầu trích công sức bảo quản di sản thừa kế.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn Nh còn yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Ph phải bồi thường thiệt hại về số cây trồng trên diện tích thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup> (Nay là thửa 289, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 3.256,9m<sup>2</sup>) do ông Ph chặt phá. Tuy nhiên, ông Nh đã có đơn xin rút phần tranh chấp này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông Nh giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu về việc ông Huỳnh Văn Ph bồi thường thiệt hại về tài sản. Đồng thời ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trên đất cũng như công sức của ông về quản lý di sản thừa kế.

*Theo hồ sơ vụ án đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Ph trình bày:*

Ông Huỳnh Văn Ph thống nhất như phần trình bày của ông Huỳnh Văn Nh về thời điểm bà Trần Thị T chết, khi chết bà T không để lại di chúc. Di sản thừa kế do bà T chết để lại, hàng thừa kế thứ nhất của bà T như ông Nh trình bày. Ông Ph thống nhất yêu cầu Tòa án phân chia khối di sản do bà T chết để lại gồm: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup> (Nay là thửa 289, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 3.253,9m<sup>2</sup>); Thửa đất số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> (Nay là thửa 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 1.422,7m<sup>2</sup>); Thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> (Nay là thửa 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>); các thửa đất trên được thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996.

Ngoài ra, ông Ph không đồng ý chia di sản thừa kế là thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup>). Do thửa đất này ông Ph cho rằng ông canh tác và đã đầu tư cải tạo.

Đối với di sản gồm: Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.015m<sup>2</sup>; Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.050m<sup>2</sup>; Thửa đất số 202, tờ bản đồ số

05, diện tích 1.760m<sup>2</sup> cùng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996, ông Ph thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông Ph có nguyện vọng được nhận thừa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>). Đây là thửa đất mà trước đây ông Ph đã sang nhượng cho ông Nguyễn Duy Tr, sau đó ông Tr sang nhượng lại cho ông Trần Văn Ch, hiện thửa đất này đang do ông Ch trực tiếp sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án ông Ph không có yêu cầu phản tố.

*Theo hồ sơ vụ án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc V trình bày:*

Ông V đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án. Đồng thời ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Ngọc V không có yêu cầu độc lập.

*Theo hồ sơ vụ án đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Minh Đc, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị L cùng trình bày:*

Ông Đ, bà Ph, bà L thống nhất với lời khai của ông Huỳnh Văn Nh về số di sản do bà Trần Thị T chết để lại. Ông Đ, bà Ph, bà L không có ý kiến gì về yêu cầu chia di sản của ông Huỳnh Văn Nh đối với di sản do bà T để lại. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà Ph, bà L không có yêu cầu độc lập.

*Theo hồ sơ vụ án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh L trình bày:*

Ông L thống nhất với lời khai của ông Huỳnh Văn Nh về số di sản do bà T chết để lại. Đối với thửa đất số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 1.422,7m<sup>2</sup>) ông Lâm đề nghị không chia thừa kế. Đối với các di sản khác ông L không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án ông L không có yêu cầu độc lập.

*Theo hồ sơ vụ án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Minh Ch thể hiện:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp, nhưng bà Ch không tham gia, không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu độc lập.

*Theo hồ sơ vụ án đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H, ông Phan Chánh Th cùng trình bày:*

Bà H, ông Th là anh em cùng mẹ khác cha với bà Trần Thị T. Khi chết bà T không để lại di chúc. Đối với các di sản do bà T chết để lại thì bà H, ông Th từ chối

nhận toàn bộ di sản mà bà Hoa, ông Thiện được hưởng. Quá trình giải quyết vụ án bà H, ông Th không có yêu cầu độc lập. Đồng thời bà H, ông Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Theo hồ sơ vụ án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Ch, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào năm 2006, ông Ch và bà H có nhận sang nhượng của ông Huỳnh Văn Nh thửa đất số 202, diện tích 1.760m<sup>2</sup> và thửa đất số 221, diện tích 1.050m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996. Việc sang nhượng chỉ dừng lại ở viết giấy tay chứ các bên chưa hoàn thành thủ tục theo luật định. Hiện nay ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản do bà T chết để lại, nhưng không có liên quan đến diện tích đất này. Do đó, ông Ch và bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì. Quá trình giải quyết vụ án ông Ch và bà H không có yêu cầu độc lập, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Theo hồ sơ vụ án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ch trình bày:*

Trước đây ông Trần Văn Ch có nhận sang nhượng diện tích đất tại thửa số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 đứng tên ông Huỳnh Văn Nh từ ông Nguyễn Duy Tr (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>). Nguồn gốc diện tích đất do ông Tr nhận sang nhượng từ ông Huỳnh Văn Ph, việc sang nhượng chưa hoàn thành thủ tục theo quy định. Liên quan đến diện tích này ông Ch có ý kiến trường hợp ông Nh có đề nghị chia phần diện tích này thì ông đồng ý cho ông Nh chuộc lại theo giá thị trường. Ngoài ra, ông Ch không có ý kiến gì khác, cũng không có yêu cầu độc lập. Đồng thời ông Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng và đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xác định tổng giá trị khối tài sản không tính giá trị tài sản trên đất là 877.152.000 đồng : 2 = 438.576.000 đồng : 8 = 54.822.000 đồng. Căn cứ Điều 620, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 di sản thừa kế được phân chia như sau:

Chia cho ông Huỳnh Văn Nh thừa đất số 378, tờ bản đồ 22, diện tích 1722,1m<sup>2</sup>; một phần diện tích là 2739,3 m<sup>2</sup> (đất thuộc xã Đức Chính) thừa đất 192, tờ bản đồ 17, với tổng diện tích là 6020,9 m<sup>2</sup>; thừa đất 263, tờ bản đồ 22, diện tích 1422,7m<sup>2</sup>; Tổng giá trị ông Nh được nhận là 451.480.000 đồng. Chia cho ông Ph thừa đất 366, tờ bản đồ 14, diện tích 1180,2 m<sup>2</sup>; có giá trị là 47.208.000 đồng. Di sản còn lại thừa đất số 379, tờ bản đồ 22, diện tích 1531,8 m<sup>2</sup>; có giá trị là 247.200.000 đồng và một phần diện tích là 3281,6 m<sup>2</sup> thừa đất 192, tờ bản đồ 17, với tổng diện tích là 6020,9 m<sup>2</sup>; có giá trị là 131.264.000 đồng giao cho 06 đồng thừa kế gồm: Ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L quản lý khối di sản này. Người nào nhận di sản bằng hiện vật sẽ phải bồi trả cho người không nhận hiện vật theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn Nh, Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L có nghĩa vụ bồi trả cho Huỳnh Văn Ph số tiền 13.602.285 đồng, mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ph là 1.943.183 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết đòi lại tài sản trên đất gồm: 02 nhà tạm và một số cây trồng trên đất, đồng hồ điện, giếng nước nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

##### **[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do bà Trần Thị Tchétt để lại và yêu cầu ông Huỳnh Văn Ph bồi thường thiệt hại về tài sản. Do đó, Tòa án xác định quan hệ khi thụ lý giải quyết vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” và “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo khoản 5, khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nay, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại về tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Ph có nơi cư trú tại thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

##### **[1.2] Về việc xét xử vắng mặt:**

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cho các đương sự trong vụ án nhưng vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có ông Huỳnh Minh Đ, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L, bà Nguyễn Thị H không có lý do. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có ông Huỳnh Ngọc V, Phan Chánh Th, bà Phan Thị H, ông Trần Văn Ch, ông Hồ Văn Ch vắng mặt nhưng đã

có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên tại phiên tòa là phù hợp.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

### **[2.1] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản:**

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2016, ngoài yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do bà Trần Thị T chết để lại, ông Huỳnh Văn Nh còn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Ph bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 30.000.000 đồng, do ông Ph có hành vi chặt bỏ một số cây trồng trên đất. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nh xin rút yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Ph bồi thường thiệt hại về tài sản. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2.2] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế.**

#### **[2.2.1] Về di sản thừa kế:**

Quá trình làm việc, cũng như tại phiên tòa xác định được bà Trần Thị T khi chết để lại di sản trong khối tài sản chung với nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh chưa chia và các bên có tranh chấp cần giải quyết là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 289, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 3.253,9m<sup>2</sup>); thửa đất số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 1.422,7m<sup>2</sup>); thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>); thửa đất số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup>).

Và các tài sản trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610 gồm: 01 (một) nhà tạm, mái ngói, tường gạch, nền xi măng, khung gỗ có diện tích 6,3m x 8m; 01 (một) nhà tạm, mái lợp tôn, tường gạch không tô, nền xi măng có diện tích 4m x 6m; 06 (sáu) cây dừa, 28 năm tuổi; 01 (một) cây khế, 4 năm tuổi; 01 (một) giếng đào, sâu 6m; 01 (một) giếng đất đào, sâu 4m; 01 (một) cây me; 04 (bốn) cây lộc vùng; 06 (sáu) cây mai lớn, nhỏ; 02 (hai) cây xoài; 03 (ba) bụi tre; 01 (một) cây mít; một số bụi chuối lớn, nhỏ nằm rải rác trên đất;



một số cây tràm từ 1-8 năm tuổi trồng rải rác trên đất; 03 (ba) công trình phụ không còn sử dụng; 01 (một) chuồng heo đã hư hỏng không còn sử dụng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh chỉ yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia các tài sản trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610; đối với các đương sự khác không có ý kiến gì. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Nh là tự nguyện, không trái pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo kết quả định giá ngày 03/5/2018, xác định khối tài sản tranh chấp có tổng giá trị là 895.588.000 đồng (*Tám trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn đồng*), trừ đi giá trị tài sản trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, và công di dời đồng hồ điện là 18.436.000 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng*). Như vậy, khối tài sản tranh chấp có giá trị là 877.152.000 đồng (895.588.000đ - 18.436.000đ). Các đương sự không có tranh chấp tài sản của hộ gia đình, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là khối tài sản chung của ông Huỳnh Văn Nh và bà Trần Thị T. Do đây là tài sản chung, nên di sản của bà T trong khối tài sản chung là 438.576.000 đồng (877.152.000đ : 2).

Bà Trần Thị T chết ngày 10/3/1995, đây là thời điểm mở thừa kế, tính từ thời điểm mở thừa kế đến ngày nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh khởi kiện là ngày 09/12/2016, là 21 năm 8 tháng 29 ngày nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự. Thời điểm chết bà Trần Thị T không để lại di chúc. Do đó, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành để chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

#### [2.2.2] Về hàng thừa kế:

Bà Trần Thị T chết ngày 10/3/1995, cha là ông Phan Chánh Ngh chết trước khi bà T chết, mẹ bà T là bà Trần Thị T1 chết năm 2002. Do bà T1 chết sau bà T nên bà T1 là hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế. Tuy nhiên, do bà T1 đã chết nên người thừa kế của bà T1 gồm có các con là ông Phan Chánh Th, bà Phan Thị H. Ngoài ra, bà T không có cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi.

Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị T gồm có chồng bà T là ông Huỳnh Văn Nh, 07 người con gồm ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Văn Ph, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L và mẹ đẻ là bà Trần Thị T1. Do bà T1 đã chết nên ông Phan Chánh Th, bà Phan Thị H là người thừa kế của bà T1 tham gia tố tụng trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án xác định được ngoài các thừa kế ở hàng thứ nhất trên bà T không có người thừa kế nào khác; đối với người thừa kế của bà Trần Thị T1 là ông Phan Chánh Th, bà Phan Thị H đã có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của bà Trần Thị T1 nếu còn sống được hưởng; xét thấy yêu cầu của ông Th, bà H là tự nguyện, không trái pháp luật, do đó nghĩ nên chấp nhận. Tại phiên tòa xác định

được những người thừa kế còn lại của bà Trần Thị T không có người nào từ chối nhận di sản thừa kế, cũng không thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định tại Điều 620, Điều 621 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định chia di sản cho các thừa kế còn lại theo quy định là phù hợp.

**[2.2.3] Về chia di sản thừa kế:**

Sau khi bà Trần Thị T chết thì ông Huỳnh Văn Nh là người trực tiếp quản lý các di sản này. Tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu trích công sức bảo quản di sản thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chia toàn bộ di sản có tranh chấp cho các đồng thừa kế là phù hợp.

Quá trình chung sống ông Nh, bà T đã lần lượt chia một phần tài sản cho các con sinh sống, làm ăn. Hiện nay, ông Nh có nguyện vọng chia di sản của bà T để ông có quyền định đoạt tài sản của ông, cũng như phần tài sản thừa kế mà ông được hưởng của bà T, các thừa kế khác không có yêu cầu gì. Căn cứ Điều 660 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế có tranh chấp theo hiện vật là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Như vậy, kỷ phần mà mỗi thừa kế được chia có giá trị là 54.822.000 đồng (438.576.000đ : 08). Cụ thể:

*Chia cho ông Huỳnh Văn Nh được quyền sử dụng đất:*

- Diện tích 1.722,1m<sup>2</sup> thửa số 378, theo hệ tọa độ VN-2000, thôn 3 tờ số 22 (242 392-9) tại các mốc giới M1, M2, A, M13, M14. Có chiều ngang là 19m x 15.000.000đ/m = giá trị 285.000.000 đồng;

- Diện tích 2.739,3m<sup>2</sup> thửa số 192, theo hệ tọa độ VN-2000, khu vực Bàu Ngâu, tờ số 17 (242-392-5) tại các mốc giới M1 M2, M7, M8. Nguyên là một phần đất của thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996; có giá trị 109.572.000 đồng;

- Thửa đất số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 1.422,7m<sup>2</sup> thể hiện tại các mốc giới M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9; có giá trị 56.908.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà ông Huỳnh Văn Nh được chia là 451.480.000 đồng. Phần giá trị tài sản của ông Nh trong khối tài sản chung với bà Trần Thị T là 438.576.000 đồng. Thấy rằng kỷ phần ông Nh thực nhận là 12.904.000 đồng (451.480.000 đồng - 438.576.000 đồng) còn chênh lệch thiếu là 41.918.000 đồng (54.822.000 đồng - 12.904.000 đồng). Nay, ông Nh không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán kỷ phần chênh lệch này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật nghĩ nên chấp nhận là phù hợp.

*Chia cho ông Huỳnh Văn Ph được quyền sử dụng đất:*

Đối với khối di sản do bà T để lại khi phân chia thì ông Huỳnh Văn Ph có nguyện vọng được nhận hiện vật là thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996 (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>). Đây là thửa đất mà trước đây ông Ph đã sang nhượng cho ông Nguyễn Duy Tr, sau đó ông Tr sang nhượng lại cho ông Trần Văn Ch, hiện thửa đất đang do ông Ch trực tiếp sử dụng. Xét thấy nguyện vọng của bị đơn ông Ph xin được nhận chia thửa đất này và đã được nguyên đơn ông Nh chấp nhận và cùng có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận chia cho ông Huỳnh Văn Ph được quyền sử dụng thửa đất số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> (Nay là thửa số 366, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.180,2m<sup>2</sup>); có giá trị 47.208.000 đồng là phù hợp.

Xét thấy, ông Huỳnh Văn Ph nhận thửa đất trên có giá trị 47.208.000 đồng so với giá trị kỷ phần mà ông Ph được hưởng là 54.822.000 đồng còn thiếu 7.614.000 đồng. Do đó, cần buộc các đồng thừa kế mỗi người phải thanh toán cho ông Ph giá trị kỷ phần chênh lệch là 1.087.714 đồng (7.614.000 đồng : 07).

*Chia cho ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L được quyền sử dụng đất:*

- Diện tích 1.531,8m<sup>2</sup>, thửa số 379 có mốc tọa độ A, M9, M10, M11, M12, M13 (tức là một phần của thửa số 289, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) diện tích 3.256,9m<sup>2</sup>). Nguyên là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996, có chiều ngang 16,48m x 15.000.000đ/m = giá trị 247.200.000 đồng.

- Diện tích 3.281,6m<sup>2</sup>, có mốc tọa độ M2, M3, M4, M5, M6, M7 tức là một phần thửa số 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup>. Nguyên là thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996; có giá trị 131.264.000 đồng.

Tổng giá trị di sản mà ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L được chia là 378.464.000 đồng.

### **[3] Về chi phí tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh đã nộp chi phí định giá tài sản số tiền 1.400.000 đồng; chi phí đo đạc quyền sử dụng đất số tiền 11.345.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên mỗi người thừa kế nhận di sản thừa kế phải chịu chi phí tố tụng là 1.593.000 đồng (12.745.000đ : 08). Do đó, cần buộc ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Văn Ph, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông

Huỳnh Thanh L, mỗi người phải nộp số tiền 1.593.000 đồng để hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Nh là người đã chi.

#### **[4] Về việc áp dụng án lệ:**

Đối chiếu các bản án lệ đã công bố, thấy rằng không có bản án nào tương tự như vụ án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết vụ án.

**[5]** Liên quan trong vụ án xác định được hiện nay ông Trần Văn Ch, ông Hồ Văn Ch, bà Nguyễn Thị H là người đang trực tiếp canh tác các diện tích đất tại thửa số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup>; thửa số 202, diện tích 1.760m<sup>2</sup> và thửa số 221, diện tích 1.050m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996. Nguồn gốc đất do các bên nhận chuyển nhượng, tuy nhiên việc chuyển nhượng chưa hoàn thành thủ tục theo quy định của pháp luật. Nay, các đương sự đều không có tranh chấp, do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

**[6] Về án phí:** Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh, bị đơn ông Huỳnh Văn Ph, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị di sản thừa kế được nhận là 2.741.000 đồng (5% x 54.822.000 đồng). Tuy nhiên, đối với nguyên đơn ông Huỳnh Văn Nh là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí; do đó, cần được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Nh về việc buộc ông Huỳnh Văn Phát phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 30.0000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Nh về chia di sản thừa kế của bà Trần Thị T chết để lại.

2.1. Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Huỳnh Văn Nh được quyền sử dụng:

- Diện tích đất 1.722,1m<sup>2</sup>, thửa số 378 được thể hiện qua các mốc giới M1, M2, A, M13, M14 theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 09/8/2018, hệ tọa độ VN-2000, tờ số 22 (242 392-9) (Nguyên thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 285.000.000 đồng.

- Diện tích đất 1.422,7m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 thuộc thửa số 263, tờ bản đồ số 22 (242 392-9) theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 09/8/2018 (Nguyên thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.150m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 56.908.000 đồng.

- Diện tích đất 2.739,3m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M1, M2, M7, M8 thuộc thửa số 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 11/10/2017 (Nguyên thuộc thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 109.572.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà ông Huỳnh Văn Nh được chia là 451.480.000 đồng.

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Huỳnh Văn Ph được quyền sử dụng:

Diện tích đất 1.180,2m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M1, M2, M3, M4, M5 thuộc thửa số 366, tờ bản đồ số 14 (242 392-3) theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 08/01/2018 (Nguyên thuộc thửa số 443, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 47.208.000 đồng.

Buộc các đồng thừa kế gồm có ông Huỳnh Văn Nh, ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông

Huỳnh Thanh L, mỗi người phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn Ph giá trị kỷ phần chênh lệch là 1.087.714 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L được quyền sử dụng:

- Diện tích đất 1.531,8m<sup>2</sup>, thửa số 379 được thể hiện qua các mốc giới A, M9, M10, M11, M12, M13 theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 09/8/2018, hệ tọa độ VN-2000, tờ số 22 (242 392-9) (Nguyên thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.900m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 247.200.000 đồng.

- Diện tích đất 3.281,6m<sup>2</sup> được thể hiện qua các mốc giới M2, M3, M4, M5, M6, M7 thuộc thửa số 192, tờ bản đồ số 17 (242 392-5) diện tích 6.020,9m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh đo ngày 11/10/2017 (Nguyên thuộc thửa số 330, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.800m<sup>2</sup> giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 627610, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 31/12/1996); có giá trị 131.264.000 đồng.

Tổng giá trị di sản mà ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L được chia là 378.464.000 đồng.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục để được đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định. *(Có sơ đồ kèm theo).*

3. Chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Văn Ph, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L, mỗi người phải nộp số tiền 1.593.000 đồng để hoàn trả chi phí đo đạc quyền sử dụng đất và chi phí định giá tài sản cho ông Huỳnh Văn Nh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Minh Đ, ông Huỳnh Văn Ph, ông Huỳnh Ngọc V, bà Huỳnh Thị Ph, bà Huỳnh Thị Minh Ch, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Thanh L, mỗi

người phải nộp số tiền 2.741.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ông Huỳnh Văn Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn Nh số tiền 1.042.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009745, ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/12/2020); các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- C.C.THA.DS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**

